TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-ST.
Ngày: 12/07/2019.
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM,TỈNH KONTUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông, **Nguyễn Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông, **Trương Quang Ngọc** và ông, **Nguyễn Văn Long**.

-Thư ký phiên toà: Bà, **Nguyễn Đỗ Phương Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà, **Lưu Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 12/07/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-KDTM ngày 19/02/2019 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 07/05/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-KDTM ngày 20/05/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 84/2019/TB-TA ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, quận Đ.Đ, thành phố H.N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995- Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V (Văn bản ủy quyền ngày 05/03/2019).

Địa chỉ:: Lầu 2, số 96 C.T, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T;

Địa chỉ: Số 104 Nguyễn Nhạc, tổ 1, phường N.M, thành phố K.T, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/08/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với anh Nguyễn Hữu T đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể là:

Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 30/10/2014 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 20/10/2014) số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Anh Nguyễn Hữu T đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 60.017.279 đồng, nên đến nay anh Thuận còn nợ đối với Hợp đồng này là: 9.982.721 đồng, lãi suất của Hợp đồng này là 0%.

Hợp đồng thẻ tín dụng giải ngân ngày 25/06/2015 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 24/06/2015), hạn mức 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T đã rút số tiền vay là: 18.276.459 đồng, lãi suất đối với Hợp đồng thẻ tín dụng được tính theo từng thời điểm. Nên đến nay anh Nguyễn Hữu T còn nợ đối với Hợp đồng thẻ tín dụng này là: 18.276.459 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 27.408.475 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng giải ngân ngày 11/01/2016 (Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 29/12/2015), hạn mức 25.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T đã rút số tiền 23.632.918 đồng, lãi suất đối với Hợp đồng thẻ tín dụng được tính theo từng thời điểm. Nên đến nay anh Nguyễn Hữu T còn nợ đối với Hợp đồng thẻ tín dụng này là: 23.632.918 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 38.738.607 đồng.

Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 26/01/2016 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 29/12/2015) số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Anh Nguyễn Hữu T đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 17.500.000 đồng, nên đến nay anh Thuận còn nợ đối với Hợp đồng này là: 42.500.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 37.909.457 đồng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, anh Thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Phía bên ngân hàng VPbank đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện cho anh Thuận thanh toán, nhưng anh Thuận cố tình né tránh không thực hiên nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Thuận phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử ngày 12/07/2019 là: 198.448.637 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc còn lại của 04 Hợp đồng nêu trên là: 94.392.098 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 12/7/2019, là: 104.056.539 đồng).

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án thông báo, triệu hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện giao nộp tài liệu, chứng cứ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến đối với

yêu cầu của nguyên đơn, không thực hiện quyền của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 275, 280, 463, 466, 468, 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả số tiền nợ gốc còn lại của 04 Hợp đồng là: 94392.098 đồng cho Ngân hàng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V khởi kiện anh Nguyễn Hữu T theo các Hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 30/10/2014, ngày 25/06/2015, 11/01/2016, 26/01/2016. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tiến hành thông báo, triệu hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu T theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật: Việc xác lập các Hợp đồng tín ngày 30/10/2014, ngày 25/06/2015, 11/01/2016, 26/01/2016 giữa anh Nguyễn Hữu T với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực hành vi dân sự thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với anh Nguyễn Hữu T đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể là:

Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 30/10/2014 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 20/10/2014) số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Anh Nguyễn Hữu T đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 60.017.279 đồng, nên đến nay anh Thuận còn nợ đối với Hợp đồng này là: 9.982.721 đồng, lãi suất của Hợp đồng này là 0%.

Hợp đồng thẻ tín dụng giải ngân ngày 25/06/2015 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 24/06/2015), hạn mức 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T đã rút số tiền vay là: 18.276.459 đồng, lãi suất đối với Hợp đồng thẻ tín dụng được tính theo từng thời điểm. Nên đến nay anh Nguyễn Hữu T còn nợ đối với

Hợp đồng thẻ tín dụng này là: 18.276.459 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 27.408.475 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng giải ngân ngày 11/01/2016 (Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 29/12/2015), hạn mức 25.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T đã rút số tiền 23.632.918 đồng, lãi suất đối với Hợp đồng thẻ tín dụng được tính theo từng thời điểm. Nên đến nay anh Nguyễn Hữu T còn nợ đối với Hợp đồng thẻ tín dụng này là: 23.632.918 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 38.738.607 đồng.

Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 26/01/2016 (Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 29/12/2015) số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Anh Nguyễn Hữu T đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 17.500.000 đồng, nên đến nay anh Thuận còn nợ đối với Hợp đồng này là: 42.500.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/7/2019, là: 37.909.457 đồng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, anh Thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Phía bên ngân hàng VPbank đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện cho anh Thuận thanh toán, nhưng anh Thuận cố tình né tránh không thực hiên nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Thuận phải trả số tiền tính đến ngày xét xử ngày 12/07/2019 là: 198.448.637 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc còn lại của 04 Hợp đồng nêu trên là: 94.392.098 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 12/7/2019, là: 104.056.539 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi anh Thuận trả xong nợ. Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 91,95, 98 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 275, 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Bởi vậy, có căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V đề ngày 28/8/2018, buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: : 198.448.637 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc còn lại của 04 Hợp đồng nêu trên là: 94.392.098 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 12/7/2019, là: 104.056.539 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi anh Thuận trả xong nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Nguyễn Hữu T phải chịu 9.922.431 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 688, 275, 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V đề ngày 28/08/2018.

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: **198.448.637** đồng *(Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng)* (Trong đó, tiền nợ gốc còn lại của 04 Hợp đồng nêu trên là: **94.392.098** đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 12/7/2019, là: **104.056.539** đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

-*Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+Buộc anh Nguyễn Hữu T phải chịu 9.922.431 đồng (Chín triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.V 4.500.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002335 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Áp dụng Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/07/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn